

# TÍNH QUYẾT ĐỊNH XÃ HỘI CỦA PHÁP LUẬT KINH TẾ: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN

*Trần Thị Nguyệt\**

**T**rong thời gian qua, có thể nói, pháp luật kinh tế đã được quan tâm nghiên cứu tương đối đầy đủ và sâu sắc theo các hướng luật thực định, luật so sánh. Việc nghiên cứu Pháp luật kinh tế theo các hướng đó đã đem lại hệ thống các tri thức phong phú khác nhau và thực sự đã giúp ích to lớn cho quá trình xây dựng, ban hành, thực hiện, sửa đổi Pháp luật kinh tế. Bên cạnh các cách tiếp cận trên thì việc nghiên cứu Pháp luật kinh tế ở phương diện xã hội của nó cung cấp cho chúng ta nhiều dữ liệu để hiểu rằng Pháp luật kinh tế luôn luôn gắn liền với xã hội, không tách rời các điều kiện quy định của xã hội. Hướng nghiên cứu xã hội học Pháp luật kinh tế bao gồm nhiều nội dung như Pháp luật kinh tế được ra đời như thế nào; quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện nó trong điều kiện ra sao; quá trình Pháp luật kinh tế hoạt động như thế nào trong xã hội và hiệu quả hoạt động của nó...

Trong giai đoạn hiện nay, việc nghiên cứu xã hội học pháp luật kinh tế rất cần được chú trọng, đề cao. Chúng ta thấy rằng, trong lĩnh vực xã hội học Pháp luật kinh tế thì vấn đề quan trọng trước nhất đó là tính quyết định xã hội của Pháp luật kinh tế. Vấn đề này được coi là những chất liệu đầu tiên đặt nền móng cho hướng nghiên cứu xã hội học Pháp luật kinh tế cho hiện tại và trong tương lai. Các yếu tố xã hội mà đặc biệt là nhân tố kinh tế có ý nghĩa và giá trị quyết định đối với pháp luật nói chung và Pháp luật kinh tế nói riêng. Vì thế mà bài viết này tập trung luận giải một số vấn đề lý luận cơ bản về tính quyết định xã hội của Pháp luật kinh tế.

## 1. PHÁP LUẬT ĐƯỢC QUAN NIỆM LÀ MỘT BỘ PHẬN CẤU THÀNH QUAN TRỌNG CỦA THƯỢNG TẦNG KIẾN TRÚC XÃ HỘI VÀ CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ XÃ HỘI

Theo quan điểm của Chủ nghĩa duy vật biện chứng thì pháp luật cũng như mọi hình thái ý thức xã hội khác thuộc phạm trù chủ quan bao giờ cũng bắt nguồn từ hiện thực khách quan, phản ánh, lệ thuộc vào thực tiễn khách quan và chịu sự quy định tất yếu của đời sống xã hội.

Tính quyết định xã hội của pháp luật nói chung được thể hiện ở *tính chất bị tác động của các quy luật tồn tại, vận động và phát triển của xã hội*. Xã hội là bộ phận đặc thù của thế giới vật chất, vận động và phát triển theo quy luật khách quan. Quy luật xã hội chính là những mối liên hệ bản chất, tất yếu, lặp đi lặp lại của các quá trình, hiện tượng của đời sống xã hội, đặc trưng cho khuynh hướng phát triển cơ bản của đời sống xã hội từ thấp đến cao. Xã hội và các quy luật của nó có vai trò quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của pháp luật. Song xã hội luôn vận động và biến đổi không ngừng, và vì vậy nội dung, hình thức, tính chất của pháp luật cũng chịu sự tác động của sự biến thiên trong xã hội và pháp luật cũng luôn luôn vận động, biến đổi không ngừng. Đó là do đời sống xã hội luôn vận động và phát triển trên nhiều bình diện, pháp luật có tính lạc hậu tương đối, cũng luôn “đi theo” để phản ánh, điều chỉnh các lĩnh vực luôn trên đà biến đổi và phát triển đó. Do vậy, khi xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện, tạo cơ chế pháp lý cho pháp luật tồn tại mà chúng ta lại tách rời nó với trạng thái phát triển xã hội, tách rời với các đặc

\* Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

điểm, hình thức vận động của xã hội thì pháp luật sẽ không thể tồn tại được và hiệu quả điều chỉnh xã hội của nó là rất hạn chế. Đến lượt mình, theo chiều ngược lại, pháp luật cũng có tác động rất mạnh mẽ đến các quan hệ xã hội nói riêng và đến tổng thể đời sống xã hội nói chung theo một trong hai khả năng: Hoặc là thúc đẩy hoặc là kìm hãm sự phát triển của hình thái kinh tế xã hội nếu nó phù hợp hay không phù hợp với quy luật vận động và phát triển của xã hội hiện đại. Tính quyết định xã hội của pháp luật còn được thể hiện ở tính chất và trạng thái phát triển của xã hội ngày càng được nâng cao hơn cả về lượng và về chất, hệ thống các quan hệ xã hội, tính chất của quan hệ sở hữu và quy luật lợi ích ngày càng đa dạng; phong phú dẫn tới mức độ phức tạp ngày càng gia tăng trong đời sống con người. Điều đó đã được chứng minh trong lịch sử triết học rằng hình thái kinh tế xã hội sau bao giờ cũng phát triển cao hơn hình thái kinh tế xã hội hiện tại và trước nó. Chính vì vậy pháp luật bị tác động và luôn cố gắng phản ánh, điều chỉnh với trạng thái vận động tương ứng: ngày một nâng cao, ngày một đa dạng và phong phú hơn. Ở một khía cạnh khác, ta thấy trong đời sống kinh tế xã hội phát triển với tốc độ tương đối nhanh như hiện nay cho thấy: tính chất phân hóa ngày càng rõ rệt. Xã hội phát triển với xu hướng phân hóa các kiểu và hình thức quan hệ xã hội càng khiến cho các quan hệ xã hội ngày thêm phong phú đa dạng. Sự phân hóa trong một xã hội phát triển nhanh và mạnh tất yếu sẽ dẫn đến nhu cầu liên kết để tăng khả năng cạnh tranh và phát triển hơn. Có phân hóa mới có liên kết và hội nhập - đó là quy luật liên kết, chỉ có điều mức độ và phạm vi liên kết là khác nhau (có thể trong một quốc gia, vùng lãnh thổ, trong và ngoài nước; cá nhân với cá nhân, cá nhân với các tổ chức, pháp nhân, giữa các tổ chức, pháp nhân hay giữa các Nhà nước với nhau...). Điều đó có tính định hướng cho sự vận động của pháp luật. Pháp luật không thể

phủ nhận quy luật phân hóa và liên kết, và vì vậy pháp luật thừa nhận, điều chỉnh, phản ánh, tạo hành lang cho các quan hệ xã hội vận động và phát triển theo hướng đó. Sự đồng thuận này càng lớn thì khả năng, vai trò và giá trị xã hội của pháp luật ngày càng cao. Như vậy, khi mối quan hệ giữa xã hội và pháp luật được làm sáng tỏ chúng ta thấy rõ tính quyết định xã hội của pháp luật thể hiện ở những tầng nấc khác nhau nhưng chung quy lại đó chính là quy luật có ý nghĩa triết học, đó là tồn tại xã hội luôn luôn quyết định ý thức xã hội, các thiết chế của kiến trúc thượng tầng xã hội luôn phụ thuộc vào bản chất, đặc điểm, trình độ của cơ sở hạ tầng xã hội. Pháp luật chịu sự tác động có tính quyết định của các quy luật vận động và phát triển của xã hội là một tất yếu khách quan. Mặt khác, pháp luật cũng đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội nên vừa tất yếu chịu sự tác động của các yếu tố xã hội lại vừa có khả năng điều chỉnh, cải biến xã hội tạo xu hướng vận động tích cực cho các quan hệ xã hội. Vì thế mà pháp luật lại càng không thể tách rời trạng thái phát triển của xã hội, không thể bỏ qua các đặc điểm vận động của xã hội. Nhận thức được tính biện chứng này sẽ giúp cho việc xây dựng pháp luật tránh được các quy phạm ban hành ra có tính chất tuyên ngôn, tách rời hiện thực, tránh việc công nhận giá trị hiệu lực của những quy định quá tiên phong về ý tưởng nhưng trong thực tế thực hiện không được bao nhiêu. Để xây dựng được hệ thống pháp luật phù hợp và muốn pháp luật hoạt động tốt trong cuộc sống thì cần phải có các điều kiện xã hội của nó. Điều kiện xã hội của pháp luật biểu hiện ở nhiều góc độ và lĩnh vực, mà trước hết là điều kiện kinh tế, điều kiện về tâm lý xã hội, ý thức xã hội, yếu tố pháp luật và các điều kiện khác. Rõ ràng xã hội đã tạo ra những khả năng bảo đảm cho pháp luật được ban hành và tạo ra những điều kiện để pháp luật có khả năng cũng như có giá trị thực hiện trong thực tiễn.

## 2. PHÁP LUẬT KINH TẾ-LÀ MỘT BỘ PHẬN CẤU THÀNH QUAN TRỌNG CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ CŨNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG CỦA QUY LUẬT VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA TOÀN BỘ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Theo đó, cơ sở kinh tế, thiết chế chính trị, bản chất, chức năng, bộ máy nhà nước, nền tảng đạo đức, cơ cấu và thành phần xã hội, trình độ nhận thức, dân trí và khả năng lao động sáng tạo của con người, những giá trị văn hóa và các tập quán sinh hoạt của cộng đồng dân cư, các yếu tố về môi trường, địa lý - tự nhiên, sinh thái... luôn là các nhân tố xã hội có ảnh hưởng to lớn tới bản chất và nội dung của Pháp luật kinh tế.

- Trong số các nhân tố phản ánh tồn tại xã hội và sự hiện diện của trình độ phát triển, khả năng văn minh của xã hội thì yếu tố kinh tế mà *trước hết là tính chất của nền kinh tế quốc dân* ở từng thời kỳ lịch sử có khả năng tác động trực tiếp tới tính chất và đặc trưng của Pháp luật kinh tế ở giai đoạn tương ứng. Tính chất của nền kinh tế quốc dân chiếm vị trí quan trọng đặc biệt bởi chính nó quy định đặc điểm và tính chất của Pháp luật kinh tế hiện hành. Nhân tố kinh tế mà cụ thể là tính chất, đặc trưng của *cơ chế kinh tế* quyết định tính chất của Pháp luật kinh tế là do nó phản ánh được các nhu cầu và khả năng phát triển kinh tế của đất nước nói chung, của từng đơn vị hành chính lãnh thổ, của các ngành, các lĩnh vực, của mỗi chủ thể kinh tế - nói riêng trong đời sống kinh tế - xã hội cả ở khía cạnh sản xuất vật chất lẫn ở khía cạnh quan hệ về lợi ích, về tài chính và sở hữu tài sản trong nền kinh tế quốc dân. Tính chất của nền kinh tế được xem xét chủ yếu bởi phạm trù quan hệ quyết định và phụ thuộc giữa lực lượng sản xuất xã hội và quan hệ xã hội ở vào thời điểm xác định. Theo đó, lực lượng sản xuất là yếu tố hạt nhân nòng cốt quyết định tính chất của quan hệ sản xuất xã hội đồng thời

các đặc điểm cơ bản của phương thức sản xuất cũng được phản ánh, được điều chỉnh trong Pháp luật kinh tế. Với cách tiếp cận trên, ta thấy trong thực tiễn nền kinh tế nước ta đã trải qua hai thời kỳ phát triển mà tính chất của nó là sự phản ánh mối quan hệ hai chiều giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tạo nên những đặc điểm khác biệt và cũng rất đặc trưng cho từng thời kỳ, hơn thế nữa những đặc điểm ấy đã tác động trực tiếp đến hình thức, nội dung, tính chất và giá trị xã hội của Pháp luật kinh tế ở mỗi thời kỳ đó. Các mối quan hệ kinh tế xã hội phần lớn tồn tại ở trạng thái tĩnh trong thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp trước kia với sự phản ánh trình độ lực lượng sản xuất thấp kém và các mối quan hệ trong quan hệ sản xuất bảo thủ trì trệ mang nặng tính hành chính và bao cấp đã khiến cho Pháp luật kinh tế ít về số lượng, đơn điệu, khả năng điều chỉnh không cao, vai trò và giá trị xã hội mờ nhạt, không có khả năng đi vào cuộc sống. Sự ngưng đọng của đời sống kinh tế xã hội đã làm cho Pháp luật kinh tế không có cơ hội để phát triển và chỉ tồn tại như một công cụ điều chỉnh có tính quản lý hành chính. Nhưng từ khi thực hiện chính sách đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế quốc dân theo hướng hàng hóa hóa sản phẩm và dịch vụ, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN thì các quan hệ kinh tế - xã hội lúc này đã khác hẳn về chất. Tính chất năng động của nền kinh tế thị trường thúc đẩy lưu thông hàng hóa và tiền tệ, đa dạng hóa các nguồn tài sản và sở hữu, đòi hỏi tạo lập môi trường tồn tại, phát triển bình đẳng cho các chủ thể, đã khiến cho Pháp luật kinh tế trở nên phong phú đa dạng vì được mở rộng mức độ và phạm vi điều chỉnh. Sự ảnh hưởng của nhân tố tính chất nền kinh tế quốc dân đến tính chất của pháp luật là với một mức độ khá lớn có tính tự nhiên và được thể hiện rất rõ trong các quy phạm pháp luật. Trên bình diện rộng lớn hơn, sự ảnh hưởng này thể hiện trong

các văn bản pháp luật thậm chí trong cả hệ thống pháp luật nước nhà<sup>1</sup>. Rõ ràng, ở nghĩa khái quát nhất thì sự thể hiện mức độ tác động của nhân tố kinh tế mà đặc biệt là tính chất của nền kinh tế quốc dân - đối với xã hội, đối với pháp luật không chỉ ở phạm vi Pháp luật kinh tế mà còn ở trong cả hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay.

- Khi xem xét tính quyết định xã hội của Pháp luật kinh tế, ta có thể khẳng định *tính đa dạng, phong phú trong thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế, lĩnh vực kinh tế* cũng có ý nghĩa quyết định đến sự phong phú và đa dạng của Pháp luật kinh tế trong điều chỉnh hoạt động kinh tế quốc dân.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần với ý nghĩa như một định hướng chiến lược góp phần giải phóng và khai thác mọi tiềm năng để phát triển lực lượng sản xuất xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý. Trong đó *kinh tế Nhà nước* giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể, ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Bên cạnh đó, trong điều kiện nước ta hiện nay, các hình thức *kinh tế tư nhân*: cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân,... vẫn cần thiết lâu dài cho nền kinh tế và nằm trong cơ cấu nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên CNXH. Bộ phận *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* chiếm tỷ trọng ngày càng tăng và có vị trí quan trọng trong nền kinh tế (làm ra khoảng 15% GDP của nước ta) cần được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo việc làm. Nhà nước có chính sách nhất quán chú trọng phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong và ngoài nước. Đồng thời nước ta cũng chủ trương phát triển mạnh hình thức

tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội, nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế nông thôn, phát triển kinh tế trang trại...

Một cách biện chứng ta thấy, trong quá trình tiến triển của cả cơ chế kinh tế xã hội với xu hướng phong phú về thành phần, cơ cấu, lĩnh vực kinh tế như đã nói ở trên thì sự phong phú và đa dạng của đời sống kinh tế xã hội còn được thể hiện ở một mức độ sâu sắc hơn đó là: Cơ chế kinh tế mới (hàng hóa nhiều thành phần) không xóa bỏ hoàn toàn mọi yếu tố của cơ chế kinh tế cũ (tập trung quan liêu bao cấp), mà trong khi tính chất, chức năng, đặc điểm và vai trò của các thành phần kinh tế (mới) xuất hiện đã góp phần phá vỡ cấu trúc của cơ chế kinh tế cũ thì nó vẫn bảo tồn, kế thừa và đổi mới những yếu tố bản chất của nó, vì thế mà nó vừa đảm bảo được tính liên tục, vừa tạo ra bước phát triển, đồng thời cũng tạo ra "tình trạng chông chát", đan xen các yếu tố của cơ chế kinh tế cũ và cơ chế kinh tế hiện thời.

Có thể nói, trước đây nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp với sự hạn chế và đơn điệu về lĩnh vực kinh tế, thành phần, cơ cấu kinh tế đã dẫn đến tình trạng Pháp luật kinh tế không có cơ hội để phát triển, thiếu vắng hẳn nhiều chế định pháp luật dành cho các bộ phận kinh tế tư nhân, cá thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Rõ ràng, tính chất của các quan hệ kinh tế, mức độ phong phú đa dạng của yếu tố kinh tế quyết định đến tính chất, đặc điểm cũng phong phú, đa dạng của Pháp luật kinh tế ở giai đoạn này. Hơn thế nữa, tính chất chín muồi, trình độ phát triển cao thấp của một quan hệ kinh tế - xã hội xét về bản chất cũng thường gắn với một giai đoạn phát triển nhất định trong một cơ chế kinh tế. Nó có tính lịch sử và cũng có giá trị quyết định đến đặc điểm, tính chất và nội dung của pháp luật. Pháp luật kinh tế hiện nay đa dạng và phong phú cả về hình thức lẫn nội dung, đó là do chính

<sup>1</sup> Xem PGS. TS Võ Khánh Vinh, Giáo trình "Nhập môn xã hội học pháp luật", NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003. Tr. 74

sự phong phú đa dạng về lĩnh vực, thành phần, cơ cấu kinh tế hiện tại quy định. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường ở nước ta còn sơ khai, sự can thiệp của Nhà nước còn rất lớn, các quy luật khách quan của cơ chế kinh tế thị trường văn minh (như tự do khế ước, tự do giá cả, tự do quảng cáo, lập hội; các quy luật cung cầu, quy luật lợi ích cận biên,...) còn chưa được tôn trọng và áp dụng triệt để... Điều này đã có tác động và ảnh hưởng rất lớn đến các điều kiện kinh tế - xã hội khác. Vì vậy Pháp luật kinh tế nước ta hiện nay vẫn còn ở dạng pháp luật khung là nhiều. Tiên lượng, cho đến khi (khoảng năm 2020) các quan hệ kinh tế xã hội ở nước ta đã vận hành phù hợp quỹ đạo của nền kinh tế thị trường văn minh, tính chất chín muồi của các điều kiện kinh tế xã hội khi đó sẽ tạo cho Pháp luật kinh tế một sự thay đổi căn bản. Từng quy phạm, mỗi chế định Pháp luật kinh tế đều có khả năng điều chỉnh trực tiếp các quan hệ kinh tế phát sinh và phát triển trong đời sống xã hội. Hiện tượng pháp luật khung như hiện nay sẽ giảm dần bởi nó dần được thay thế bằng các quy phạm pháp luật thực định cụ thể.

- Bên cạnh tính chất phân hóa, sự phong phú đa dạng, tính chín muồi của các quan hệ kinh tế thì *mức độ phong phú, đa dạng của chủ thể tham gia đời sống kinh tế* cũng có vai trò quyết định đến tính đa dạng, phong phú của Pháp luật kinh tế. Trong cơ chế kinh tế thị trường, Nhà nước và xã hội buộc phải thừa nhận và tạo điều kiện để đa dạng hóa chủ thể kinh tế, đó là do đã tuân thủ quy luật kinh tế khách quan. Kinh tế học cổ điển từng coi con người là thực thể kinh tế hay “con người kinh tế” với các đặc trưng là vụ lợi, luôn tính toán hơn - thiệt, lãi - lỗ, được - mất... Con người kinh tế là nhân vật trung tâm, điển hình của kinh tế thị trường. Theo quan niệm này, các hành động của cá nhân và của doanh nghiệp tạo thành cơ sở của nền kinh tế vi mô. Quan niệm đúng đắn này đã hiện hữu trong suốt tiến trình kinh tế học chính trị cổ điển và cho tới hôm nay, dù để thấy sự phong phú, đa dạng

về chủ thể kinh tế hiện nay là phù hợp quy luật khách quan, có nguồn gốc từ hiện thực, từ tâm lý, động cơ, lợi ích của con người. Quan niệm về chủ thể kinh tế - con người kinh tế đã trở thành công cụ rất đặc lực trong việc giải thích hành vi kinh tế và hành động xã hội của cá nhân. Và như vậy, chủ thể kinh tế được hiểu trước hết từ góc độ con người xã hội và được xem xét trên nhiều cấp độ khác nhau. Chủ thể kinh tế có thể là các cá nhân (ở cấp độ vi mô), các nhóm, đơn vị tổ chức, doanh nghiệp (ở cấp độ trung mô) và cộng đồng, quốc gia (ở cấp độ vĩ mô). Ví dụ: Gần đây hộ gia đình sản xuất nông nghiệp đã trở thành đơn vị kinh tế tự chủ - một loại chủ thể kinh tế cơ bản, tích cực vào góp phần chuyển đổi nền kinh tế nước nhà từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường. Trên cấp độ phân tích nào, chủ thể kinh tế luôn được nhìn nhận từ góc độ vị thế, vai trò trong cơ cấu xã hội. Chúng ta thấy, hiện nay, trong xã hội xuất hiện rất nhiều loại chủ thể kinh tế được tổ chức, thành lập hoặc được thừa nhận ở các phạm vi, quy mô và khả năng kinh tế khác nhau (cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình, hợp tác xã...). Theo đó, theo hướng xã hội học pháp luật việc quan tâm nghiên cứu đội ngũ doanh nhân với tư cách là những chủ thể kinh tế có khả năng tạo lập doanh nghiệp, đổi mới sản xuất kinh doanh... là rất cần thiết. Qua đó chúng ta thấy được vai trò, nhu cầu, động cơ, lợi ích, hoàn cảnh xã hội, nguồn gốc xuất thân, mối quan hệ chủ thợ trong doanh nghiệp của họ. Bên cạnh đó, các công ty lớn và các tổ chức kinh tế của Nhà nước là những chủ thể đóng vai trò quan trọng trong những hoạt động kinh tế vĩ mô. Sự hình thành và tăng trưởng của doanh nghiệp phụ thuộc vào các yếu tố của môi trường kinh tế xã hội đặc biệt là chính sách điều tiết của Nhà nước, mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp đang tồn tại trên thị trường...

Trong giai đoạn hiện nay, các chủ thể kinh tế không chỉ dựa vào nguyên lý hiệu quả thuần túy kinh tế để ra quyết định và

thực hiện các hành vi kinh tế. Họ đã phải tính đến hàng loạt các yếu tố của các mối quan hệ phức tạp như: mâu thuẫn và thỏa hiệp, đối đầu và đối thoại, cạnh tranh và hợp tác cùng các xu hướng biến đổi trên thị trường trong nước và quốc tế. Như vậy, sự đa dạng về chủ thể quan hệ kinh tế không chỉ dừng lại ở định danh và số lượng mà nó còn bao hàm cả tính đa dạng trong sự tham gia của mỗi một chủ thể vào nhiều lĩnh vực, nhiều hoạt động kinh tế khác nhau. Rõ ràng chủ trương xây dựng cơ chế kinh tế thị trường với quan niệm tôn trọng và bảo hộ "con người kinh tế" trong xã hội đã nảy nở muốn vãn các giao dịch kinh tế – dân sự theo chiều ngang với nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thỏa thuận, cùng có lợi vì cùng hướng tới các lợi ích hợp pháp. Sự phong phú của các giao dịch kinh tế còn thể hiện tư tưởng tự do kinh tế, tự do hợp đồng của Nhà nước ta và nó đã trở thành một tiền đề quan trọng làm thay đổi Pháp luật kinh tế theo hướng đa dạng hóa về hình thức, minh bạch, công khai, bình đẳng về nội dung. Chưa bao giờ Pháp luật kinh tế – về mặt hình thức - lại đa dạng, phong phú với nhiều hình thức văn bản quy phạm pháp luật như hiện nay (pháp luật về thương mại, đầu tư, chuyển giao công nghệ, môi trường, tài nguyên, giải thể, phá sản, cạnh tranh...). Một vấn đề có tính quy luật là trong điều kiện các nhân tố phản ánh tồn tại xã hội ngày càng phát triển thì quá trình phân hóa trong các quan hệ xã hội ngày càng rõ nét. Sự phân hóa này càng làm tăng thêm tính đa dạng và phong phú của chủ thể đồng thời làm xuất hiện nhu cầu vừa được điều chỉnh có tính chất khung, có tính nguyên tắc, lại vừa cần được điều chỉnh cụ thể, cá biệt, có tính thực định cao. Đây là vấn đề khó khăn nhất của Pháp luật kinh tế hiện nay và cũng đều do xã hội quy định.

- Khi nền kinh tế của đất nước chuyển sang và phát triển năng động theo hướng thị trường thì yếu tố lợi ích và tính chất quy luật của nó cũng có ý nghĩa quyết định đến nội dung và tính chất của Pháp luật

kinh tế. Vì đặc trưng của kinh tế thị trường là sự phong phú, đa dạng về lĩnh vực, thành phần, cơ cấu, chủ thể kinh tế cho nên yếu tố lợi ích không còn một chiều, đơn điệu như xưa mà cũng trở nên phong phú đa dạng. Hiện trong đời sống kinh tế của đất nước xuất hiện và tồn tại nhiều loại lợi ích khác nhau.

*Thứ nhất*, trong xã hội với chủ trương phát triển kinh tế thị trường thì sự tồn tại song song nhiều thành phần kinh tế với sự đa dạng, phong phú về chủ thể là một tất yếu khách quan. Sở dĩ có sự tồn tại tất yếu nhiều thành phần kinh tế đó là vì nó gắn liền với các nhóm lợi ích kinh tế đặc thù và được Nhà nước thừa nhận và bảo vệ. Chẳng hạn, lợi ích của nhà tư bản gắn chặt với và thể hiện trong thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Hay như lợi ích của công cho toàn xã hội, cho nhân dân cả nước luôn gắn liền và phản ánh trong thành phần kinh tế nhà nước, v.v. Các loại lợi ích của chủ thể kinh tế trong các thành phần kinh tế có ảnh hưởng hoặc có tác động theo những cách khác nhau tới cơ cấu tổ chức của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. Trong cơ cấu của cơ quan dân cử không thể thiếu các đại diện của các thành phần kinh tế tư nhân. Trong tổ chức bộ máy nhà nước cũng vậy, không thể không có các bộ phận quản lý kinh tế tư nhân, quản lý thị trường, thuế,... Và tất cả những vấn đề đó đều phải được phản ánh trong pháp luật kinh tế.

*Thứ hai*, trong xã hội hiện đại tồn tại song song các loại lợi ích kinh tế công gắn liền với lợi ích kinh tế của Nhà nước và lợi ích kinh tế tư gắn với các thành phần kinh tế khác ngoài Nhà nước. Quan điểm kinh tế học hiện đại không quá đề cao hay coi trọng kinh tế công hay kinh tế tư nhân, và vì vậy lợi ích kinh tế công và lợi ích kinh tế tư đều là những phạm trù gắn liền với động thái phát triển kinh tế xã hội. Cho nên khi xây dựng pháp luật kinh tế Nhà nước cần cân nhắc, kết hợp hài hòa các loại lợi ích nói trên; không thể vì sự tồn tại, phát triển của lợi ích kinh tế này mà hy sinh hay không

tính đến lợi ích kinh tế khác, bởi hành động đó là trái với quy luật vận động khách quan của kinh tế thị trường.

*Thứ ba*, nền kinh tế thị trường là điều kiện tốt nuôi dưỡng sự nghiệp của các doanh nhân, làm xuất hiện một khuynh hướng lợi ích kinh tế của giới chủ. Lợi ích kinh tế của họ gắn liền với xu hướng tối đa hoá lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh. Ngược lại, người lao động trong quá trình tham gia hoạt động bán sức lao động của mình cũng muốn hướng tới sự thoả mãn về lợi ích kinh tế trong tiền công, tiền lương... Điều đó cũng ảnh hưởng đến pháp luật kinh tế và đòi hỏi được điều chỉnh. Do vậy, khi xây dựng pháp luật kinh tế một vấn đề nữa đặt ra là phải điều chỉnh hài hoà, không để cao lợi ích kinh tế của giới chủ mà bỏ qua, xem nhẹ các lợi ích kinh tế của giới thợ, và ngược lại.

*Thứ tư*, lợi ích kinh tế trong các công đoạn khác nhau của quá trình sản xuất kinh doanh là khác nhau và được bộc lộ rõ nét trong lợi ích kinh tế của người sản xuất, của người hoạt động dịch vụ, của người tiêu dùng. Với những cách thức tối đa hoá lợi ích khác nhau của mỗi nhóm chủ thể kể trên làm cho các nhóm lợi ích kinh tế này có thiên hướng trái chiều nhau và đều có tính quyết định đến nội dung điều chỉnh của pháp luật kinh tế. Hơn bao giờ hết, pháp luật kinh tế trong giai đoạn hiện nay cần phải tính toán, cân nhắc khi điều tiết hoạt động của các đối tượng trên. Ví dụ Nhà nước áp thuế cho hoạt động sản xuất thì phải thấp hơn thuế suất cho hoạt động dịch vụ; người tiêu dùng những hàng hoá xa xỉ, hàng hoá không thiết yếu thì phải chịu áp thuế tiêu thụ đặc biệt...

- Như trên đã phân tích cho thấy Pháp luật kinh tế, điều quan trọng và trước hết là chịu sự quy định của các quy luật xã hội và quy luật kinh tế, quy luật lợi ích, song không chỉ có thế, một cách toàn diện hơn, nó còn *bị quy định bởi nhiều nhân tố xã hội khác*. Trong số đó có cả những nhân tố khách quan và chủ quan. Những nhân tố khách quan bao gồm tính chất, đặc điểm của cơ cấu kinh tế

của đất nước, cơ cấu kinh tế theo vùng, miền, lãnh thổ; những nhân tố địa lý – tự nhiên, sinh thái; những nhân tố về kinh tế đối ngoại và phân công lao động quốc tế... Còn các nhân tố chủ quan thể hiện ở sự nhận thức của con người Việt Nam về kinh tế – xã hội, về pháp luật và các giá trị điều chỉnh của nó. Trước hết nói về các nhân tố khách quan khác của xã hội có tính quy định Pháp luật kinh tế. Theo PGS.TS. Võ Khánh Vinh, thì các điều kiện tồn tại và phát triển của hiện thực đời sống vật chất không chỉ quyết định đến vấn đề sản xuất, kinh doanh mà còn quyết định đến cả việc tạo lập hay biến đổi môi trường, địa lý kinh tế, đến việc tái sản xuất của chính “Con người kinh tế”. Do vậy, trong hệ thống các nhân tố phản ánh các hiện tượng của tồn tại xã hội thì cùng với nhân tố kinh tế (như đã nói ở trên) còn cần phải cân nhắc đến các yếu tố về sinh thái, về địa lý và nhân chủng học<sup>2</sup>. *Nhân tố sinh thái* phản ánh trạng thái nguyên vẹn của các của cải tự nhiên và mức độ sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên. Thực chất, những yếu tố của sinh thái – tự nhiên gắn liền với yếu tố địa lý (như tài nguyên, khoáng sản, nguồn nước, nguồn năng lượng, đất đai, khí hậu...) có ảnh hưởng rất to lớn đến sở hữu và sản xuất, và vì vậy nó có khả năng thay đổi đặc điểm, tính chất của hoạt động kinh tế. Điều này rất cần phải được phản ánh trong pháp luật. Pháp luật là tấm gương phản ánh rõ nét nhất cái việc bất cứ nền sản xuất xã hội nào cũng là việc con người chiếm hữu những đối tượng tự nhiên trong phạm vi một hình thái kinh tế xã hội nhất định và sản xuất chính là quá trình chiếm hữu tự nhiên, gắn bó với tự nhiên, phụ thuộc vào tự nhiên đồng thời tác động trở lại tự nhiên. Có thể thấy, nhân tố địa lý tự nhiên nói lên các đặc điểm về vị trí địa lý của một nước trong tổng thể địa lý kinh tế thế giới, nói lên vị trí của các vùng, miền riêng biệt trong phạm vi đất nước ta. Thông qua những đặc điểm đó người ta có thể nhận thấy và quan tâm đến những đặc trưng chung, có tính phổ biến để từ đó xây dựng cơ cấu

<sup>2</sup> Xem: PGS. TS Võ Khánh Vinh, Sdd, Tr 74, 75.

kinh tế tổng thể của quốc gia đồng thời cũng cần phải chú ý đến tính riêng biệt, đặc điểm vượt trội của từng vùng miền mà xây dựng cơ cấu kinh tế riêng cho vùng miền đó. Pháp luật kinh tế, nếu được xây dựng một cách khoa học và khách quan, tất yếu phải phản ánh được những đặc điểm này, tất yếu được quy định về mặt xã hội - có tính tự nhiên thì có cách thức tác động phù hợp. Có thể nói ảnh hưởng của nhân tố cơ cấu kinh tế gắn với địa lý tự nhiên và đặc điểm vùng miền tới pháp luật kinh tế là không nhỏ. Cơ cấu kinh tế của nước ta vốn là tổng thể những mối liên hệ giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế quốc dân. Nhưng ở mỗi vùng, mỗi ngành lại có cơ cấu kinh tế riêng của mình tùy theo điều kiện tự nhiên, xã hội, địa - kinh tế cụ thể. Mỗi một cơ cấu kinh tế đều mang tính lịch sử xã hội nhất định và luôn biến động, gắn với sự biến đổi, phát triển không ngừng của các yếu tố, các bộ phận cấu thành nền kinh tế và những mối quan hệ giữa chúng. Vì vậy, chúng ta có thể nhận thấy và lý giải được vì sao pháp luật kinh tế là một bộ phận pháp luật biến đổi nhất hiện nay, và sẽ còn biến đổi nhiều nữa trong thời gian tới bởi vì nền kinh tế nước ta chưa đạt tới trình độ chín muồi về tính chất và cơ cấu, tính khu biệt của các thành phần kinh tế còn khá lớn, sự khác biệt giữa các vùng miền còn rất xa nhau. Có thể nói sự khác biệt của các nhân tố có tính khách quan kể ở trên được thể hiện rất rõ trong toàn bộ hệ thống pháp luật nói chung và đặc biệt thể hiện đậm nét trong pháp luật về đất đai, luật phát triển và bảo vệ rừng, pháp luật về lao động, các văn bản pháp luật khác về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, v.v. Các nhân tố đó ảnh hưởng đến pháp luật kinh tế, khiến cho khi xây dựng pháp luật kinh tế, Nhà nước phải tính toán, cân nhắc chúng một cách kỹ càng nhưng cần thấy rằng chúng có ảnh hưởng đến pháp luật kinh tế song không phải bằng một cách trực tiếp, đi theo đường thẳng mà thông qua một loạt các nhân tố chủ quan khác phản ánh các hiện tượng của ý thức xã hội. Trong đó có các nhân tố

chính trị - pháp lý, văn hóa - xã hội, nhận thức, tư tưởng, tâm lý và các nhân tố khác. Nhân tố quan trọng nhất trong số đó là nhân tố chính trị - pháp lý và nhận thức. Các nhân tố này thể hiện dưới hình thức các quyết định, chỉ thị chính trị, các mục đích và định hướng phát triển của nền kinh tế quốc dân, của chính sách kinh tế và pháp luật kinh tế của các lĩnh vực của nó, của các ngành và các chế định. Các mục đích và định hướng đó được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, trong Hiến pháp và các đạo luật. Từ sự nhận thức chín muồi của Đảng, Nhà nước thể hiện trong đường lối, chủ trương và giải pháp lớn phát triển kinh tế xã hội của đất nước đã chứng tỏ tính thích ứng, kịp thời về các quy luật kinh tế và xã hội. Cùng với việc tuyên truyền và thực hiện đường lối phát triển kinh tế công nghiệp hoá, hiện đại hoá, coi đó là nhiệm vụ trung tâm, nhận thức của Đảng đã trở thành nhận thức chung của toàn xã hội, đồng thuận với quy luật khách quan và lợi ích của nhân dân. Nhưng người truyền đạt và thể hiện nhân tố chính trị pháp lý và nhận thức trong pháp luật kinh tế trước hết là các cơ quan xây dựng pháp luật với tư cách là người đại diện lợi ích của toàn dân<sup>3</sup>. Khi lợi ích, nhu cầu, mong muốn chính đáng của người dân được cập nhật và phản ánh trung thực trong pháp luật, thì với tư cách là người bị điều chỉnh, người bị quản lý - toàn dân sẽ có sự nhận thức đúng đắn hơn về hoạt động kinh tế xã hội và pháp luật. Ý nghĩa xã hội của nhân tố này được thể hiện ở các kiến nghị, đề nghị, góp ý, lưu ý, nguyện vọng của nhà làm luật trong khi xây dựng và ban hành pháp luật, chỉ khi nào toàn Đảng, Nhà nước, toàn dân có nhận thức đúng đắn và sự phản ánh của pháp luật cũng đúng đắn thì mới thúc đẩy kinh tế xã hội và pháp luật phát triển. Như vậy tính bị quy định về mặt xã hội của pháp luật kinh tế không thể không tính đến yếu tố chủ quan nói trên. Chính nó đã truyền tải các

<sup>3</sup> Sđd, Tr 75



thông điệp từ các nhân tố khách quan vào chính sách và pháp luật.

Trong số các nhân tố xã hội chủ quan thì yếu tố *trình độ học vấn, văn hóa, truyền thống dân tộc* cũng có tác động to lớn đến pháp luật kinh tế, khiến cho trong quá trình xây dựng, ban hành, thực hiện pháp luật kinh tế hiện nay phải không ngừng quan tâm nghiên cứu, xem xét, cân nhắc tính toán đến chúng.

*Học vấn và trình độ nhận thức xã hội* là một yếu tố quan trọng giúp cho không chỉ các nhà xã hội học mà cả các nhà kinh tế học, luật học, cũng như các cá nhân khác trong xã hội đều có thể nhận thức được rằng, nền kinh tế - xã hội luôn diễn ra trong bối cảnh kinh tế xã hội nhất định. Thị trường không phải là cơ chế duy nhất để phân phối hàng hóa và dịch vụ; thiết chế kinh tế nào cũng có thể được điều tiết bởi luật pháp, chính sách, thiết chế và các đòn bẩy kinh tế - xã hội, nghĩa là nó cũng có tính kế hoạch. Vấn đề là ở chỗ làm thế nào hình thành và sử dụng cơ chế nào, công cụ nào có hiệu quả hơn, phù hợp hơn trong từng giai đoạn lịch sử xã hội cụ thể. Ngày nay, học vấn đã giúp con người không còn ảo tưởng về nền kinh tế thị trường, không đem nền kinh tế thị trường đối lập hoàn toàn với nền kinh tế quan liêu bao cấp, không còn ngộ nhận rằng kinh tế thị trường là nền "kinh tế tự do", vai trò sản xuất, phân phối và tiêu dùng chủ yếu thuộc về doanh nghiệp tư nhân và kinh tế cá thể, còn trước đây vai trò đó thì thuộc về Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế tập trung quan liêu. Hầu hết các doanh nhân ngày nay đều nhận thức được rằng: không có sự mâu thuẫn hay đối lập tuyệt đối giữa kinh tế thị trường và sự điều tiết của Nhà nước. Nền kinh tế của mỗi quốc gia thường là nền kinh tế "hỗn hợp" trong đó vai trò định hướng, quản lí, điều tiết ở tầm vĩ mô vẫn thuộc về Nhà nước. Nhận thức đó của xã hội giúp cho pháp luật kinh tế có đất sống, có môi trường để bám rễ ăn sâu vào

đời sống kinh tế xã hội, được xã hội và doanh nhân chấp nhận một khi nó phản ánh đúng xã hội và phục vụ lợi ích xã hội.

*Yếu tố văn hóa xã hội, văn hóa doanh nghiệp* cũng như vậy, nó được hiểu là kiểu nhận thức, cách biểu đạt và mẫu đánh giá được chia sẻ trong xã hội. Văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh được xác định như một cầu nối trung gian giữa thiết chế thị trường và thiết chế xã hội. Yếu tố văn hóa ảnh hưởng tới kinh tế, chi phối hành vi kinh tế thông qua việc tác động tới cách mà chủ thể xác định mục tiêu, đặt ra mục đích và lựa chọn phương tiện qua việc điều tiết hành vi của họ và qua việc huy động nguồn lực để thực hiện mục đích. Tại sao các cá nhân lại có thể từ bỏ mối lợi trước mắt để theo đuổi những mục tiêu chiến lược lâu dài? Có thể tìm câu trả lời ở văn hóa kinh doanh bởi các chuẩn mực, các giá trị văn hóa có khả năng đặc biệt và có sức mạnh tiềm ẩn to lớn trong việc điều tiết hành vi kinh tế. Nếu yếu tố văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp không được xác lập và nuôi dưỡng thì chính sách và pháp luật chỉ có giá trị điều chỉnh một cách cưỡng bức và sự vi phạm là khó tránh khỏi. Hiệu lực và hiệu quả của pháp luật sẽ không cao, giá trị xã hội của nó bị suy giảm. Vì vậy, khi xây dựng pháp luật kinh tế, Nhà nước cần tính đến yếu tố văn hóa và lợi ích xã hội của nó khi điều tiết các vấn đề nhạy cảm của kinh tế thị trường như độc quyền và cạnh tranh, trung thực và gian lận, thương mại công bằng, sùng bái hàng hóa (tiêu dùng) và tha hóa về lao động, v.v. Ngày nay, yếu tố văn hóa đã tạo ra ý nghĩa mới cho sản xuất hàng hóa và hành vi trao đổi. Vấn đề thị trường hóa và mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, tính phụ thuộc của chủ trương chính sách và pháp luật vào văn hóa và kinh tế là những chủ đề cơ bản của nghiên cứu xã hội học pháp luật. Có thể nói học vấn, truyền thống và văn hóa trong xã hội nói chung và trong đời sống kinh tế nói riêng là nguồn cội sâu xa của nhận thức xã hội và tâm lý dân tộc.

Những yếu tố này chi phối hành vi kinh tế và tạo nên bản sắc cho nền kinh tế quốc dân. Pháp luật kinh tế là công cụ hữu hiệu nhất đối với nền kinh tế nên tất yếu bị chi phối, bị quy định bởi những yếu tố đó. Chừng nào pháp luật hàm chứa và phản ánh được đặc điểm và giá trị của chúng thì pháp luật sẽ có giá trị xã hội cao, có khả năng điều chỉnh hiệu quả, kịp thời và lành mạnh hóa đời sống kinh tế xã hội, góp phần đưa nền kinh tế đất nước phát triển đúng định hướng.

Khi nghiên cứu mối quan hệ hai chiều giữa cơ sở kinh tế xã hội và pháp luật kinh tế chúng ta thấy rõ ràng xã hội mà đặc trưng là các quan hệ kinh tế phong phú, đa dạng, sôi động của cơ chế kinh tế thị trường, cùng với các nhân tố khách quan, chủ quan khác - là nguồn phát sinh, nuôi dưỡng và phát triển pháp luật kinh tế hiện nay. Nghiên cứu tính quy định xã hội của pháp luật kinh tế giúp cho ta nhận thức được rằng quá trình xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện pháp luật kinh tế tạo cơ chế pháp lý cho nền kinh tế quốc dân không thể tách rời trạng thái phát triển kinh tế xã hội không thể bỏ qua các đặc điểm cơ bản của thể chế kinh tế xã hội, tính chất và xu hướng vận động của cơ chế kinh tế, các đặc điểm xã hội khác, hiện thời bởi đó chính là môi trường sống và thể hiện giá trị xã hội của pháp luật.

### **3. XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA ĐỜI SỐNG KINH TẾ XÃ HỘI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT KINH TẾ**

Pháp luật kinh tế được quy định bởi các điều kiện kinh tế xã hội cả trong hiện tại và tương lai. Ngoài việc chịu tác động trực tiếp của các quy luật kinh tế và quy luật lợi ích thì pháp luật kinh tế còn chịu ảnh hưởng của các quy luật phát triển chung của toàn bộ đời sống xã hội. Do vậy, hoạt động xây dựng, ban hành mới hay sửa đổi, bổ sung pháp luật kinh tế hiện nay cũng phản ánh tính quyết định của xã hội trong đó. Đời

sống kinh tế xã hội đang vận động và phát triển tích cực theo quy luật thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiện tại và trong tương lai thì sự phong phú, đa dạng về lĩnh vực, thành phần, cơ cấu kinh tế vẫn còn tiếp tục phát triển theo xu hướng ngày càng phân hóa cao độ, kèm theo đó là động thái liên kết, hội nhập để gia tăng sức mạnh kinh tế và phát triển bền vững. Tính đa dạng về chủ thể và sự nhân lên về số lượng chủ thể kinh tế đó là do tính cởi mở của bản thân kinh tế thị trường và xã hội hóa sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong nhân dân. Nền kinh tế sẽ cân đối hơn giữa sản xuất và dịch vụ, thị trường sẽ minh bạch và hoàn hảo hơn, lợi ích kinh tế sẽ phân hóa tối đa và bình đẳng xã hội trong sản xuất, kinh doanh, lưu thông, tiêu dùng... ngày càng được bảo đảm. Đó chính là quy luật vận động tất yếu có tính khoa học và biện chứng của nền kinh tế nước ta do Đảng chủ trương, Nhà nước quản lý và nhân dân tin tưởng, hưởng ứng. Đó cũng chính là lợi ích xã hội của Nhà nước và của nhân dân. Với quyền quản lý kinh tế xã hội tối cao của mình, Nhà nước ngày càng tôn trọng và bảo vệ quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật của công dân. Công dân - "con người kinh tế" đóng góp nhiều hơn cho xã hội vì nghĩa vụ và vì sự tiến bộ chung. Định hướng XHCN quyết định xu hướng hoàn thiện của pháp luật hiện nay. Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu to lớn của pháp luật kinh tế trong những năm đổi mới thì vẫn còn những mảng trống. Ví dụ như pháp luật kinh tế hiện nay còn chưa chú trọng điều tiết kịp thời, đầy đủ lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, kinh tế du lịch, kinh tế dịch vụ, khiến cho các quan hệ này vốn đã hình thành từ lâu, phát triển khá mạnh mẽ, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế năng động nhưng chưa được định hướng và thúc đẩy phát triển bằng một hành lang pháp lý hoàn chỉnh. Sự bất cập này vừa thể hiện sự lạc hậu tương đối, vừa là nhược điểm cơ bản

của pháp luật kinh tế hiện hành. Hướng phát triển và hoàn thiện của pháp luật kinh tế trong tương lai là cơ cấu hóa nền kinh tế quốc dân bằng các chế định pháp luật tương ứng, phù hợp. Điều đó cũng có nghĩa là pháp luật kinh tế phải được xây dựng và điều chỉnh một cách toàn diện hiện thực kinh tế xã hội khách quan.

Định hướng phát triển pháp luật kinh tế trong tương lai còn phải được lưu ý tới khía cạnh sở hữu và quyền sở hữu tài sản trong kinh doanh của chủ thể.

Sự phát triển nhanh chóng của pháp luật kinh tế hiện nay còn có nguồn gốc từ hiện thực xã hội về sở hữu và chế độ sở hữu. Theo đó vấn đề cải cách chế độ sở hữu là bộ phận quan trọng của đổi mới kinh tế, trong đó quan trọng hơn cả là cải cách sở hữu toàn dân (sở hữu nhà nước). Cùng trong điều kiện của quốc gia đang phát triển, Trung Quốc cũng bày tỏ sự tương đồng trong quan điểm kinh tế học đó là: “Chỉ có sự đột phá ở cải cách chế độ sở hữu mới là lối thoát duy nhất của công cuộc cải cách kinh tế”<sup>4</sup>. Cải cách chế độ sở hữu không phải chỉ dừng lại ở mức độ công nhận về mặt pháp lý sự tồn tại sở hữu tư nhân đồng thời với sở hữu Nhà nước và sở hữu tập thể, bởi lẽ thực chất sự tồn tại của nhiều hình thức sở hữu trong một giai đoạn phát triển nhất định của xã hội là một tất yếu khách quan. Vì vậy, pháp luật của nước ta xác nhận sự tồn tại và bảo hộ nhiều hình thức và chế độ sở hữu khác nhau, tạo mọi điều kiện thông thoáng để các hình thức sở hữu tồn tại trong xã hội tham gia hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế nhiều thành phần. Điều này cũng đánh dấu bước nhận thức mới, đầy đủ và đúng đắn hơn quy luật khách quan về quá trình phát triển kinh tế của thời kỳ quá độ xây dựng CNXH, tiếp theo đó là sự cần thiết thể chế hóa trong pháp luật kinh tế. Đó là cùng với việc sắp xếp lại quy mô sở hữu

toàn dân (ảnh hưởng đến vai trò và địa vị của doanh nghiệp nhà nước) và sở hữu tập thể cho phù hợp; xác định và điều chỉnh phạm vi, mức độ của các loại hình sở hữu là yêu cầu cơ bản và khách quan<sup>5</sup>. Đó là vì thực chất sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất với hai thành phần cơ bản là nguồn nhân lực và tư liệu sản xuất đã kéo theo sự biến đổi, phát triển của cả nội dung và hình thức sở hữu. Ví dụ như sự xuất hiện của sở hữu trí tuệ dẫn tới sự di chuyển của đối tượng sở hữu chủ đạo đó là sở hữu trí tuệ và sở hữu tư liệu sản xuất, hay như xuất hiện đối tượng sở hữu mới như bầu trời quốc gia, tài nguyên đáy đại dương, các mô tế bào gen<sup>6</sup>...

Như vậy, pháp luật kinh tế, trên cơ sở thừa nhận sự tồn tại các loại hình và đối tượng sở hữu đa dạng trong nền kinh tế nhiều thành phần thì cần xác lập và thực hiện chế định quyền sở hữu phức hợp, đa cơ cấu, nhiều cấp độ. Đây cũng là chế định pháp luật đặc trưng thể hiện quyền tự do và tự quyết kinh tế của các chủ thể gắn liền với quyền năng sở hữu. Định hướng này của pháp luật kinh tế góp phần xác lập và củng cố không chỉ tính đa dạng của các hình thức sở hữu trong kinh doanh, mà còn tính phức hợp nhiều cấp độ của các chủ thể quyền sở hữu, của nền kinh tế, cũng như của bản thân mỗi loại hình quyền sở hữu, hình thành và thực hiện những hình thức sở hữu hỗn hợp, phức tạp, phong phú do kết quả của sự liên kết, hợp tác những mặt và theo nhiều chiều, nhiều cách khác nhau của các chủ thể sở hữu trong quá trình phát triển sản xuất, đảm bảo quyền tự do kinh tế và quyền bình đẳng trước pháp luật của chúng<sup>7</sup>.

<sup>4</sup> Xem: PGS.TS Hà Thị Mai Hiền, “Tài sản và quyền sở hữu”, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, Tr. 46

<sup>6</sup> Sđd Tr. 46.

<sup>7</sup> Xem Trần Trọng Hậu: “Một số vấn đề lý luận pháp lý về quyền sở hữu trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi lên CHXH ở nước ta hiện nay”. Tạp chí Nghiên cứu và Lý luận, tháng 2/1991

<sup>4</sup> Xem: “Cải cách kinh tế Trung Quốc – Những vấn đề lý luận”, Hà Nội 1989, Tr 56.